

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/KDTM-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư, thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 79/2019/TLST-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2019 về “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2020/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2020/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty TNHH P; địa chỉ trụ sở: Số A, đường X, ấp T, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Trung T, sinh năm 1972 (văn bản ủy quyền ngày 19/9/2019)

- Bị đơn: Công ty CP T; địa chỉ trụ sở: Số B, đường D, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Ông Lương Hồ H, sinh năm 1973 - chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: C, đường P, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông T có mặt, Công ty CP T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công Ty TNHH P (sau đây gọi tắt là Công ty P) có ông Trần Trung T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/01/2016, giữa Công Ty TNHH P có ký hợp đồng kinh tế số 02/TTP-ĐT/2016 với Công ty CP T (gọi tắt là Công ty T) về việc mua giấy tấm carton và thùng carton các loại với thời hạn hợp đồng là 12 tháng. Hình thức thanh toán: bên mua thanh toán tiền hàng cho bên bán trong hạn 30 ngày sau khi nhận hàng.

Sau nhiều lần giao dịch mua bán, ngày 31/12/2017, hai bên công ty tiến hành đối chiếu và xác nhận công nợ, theo đó phía Công ty T còn nợ Công ty P số tiền là 388.421.140 đồng.

Ngày 02/01/2018 hai bên công ty tiếp tục ký kết hợp đồng kinh tế số 03/TTP-ĐT/2018 về việc mua giấy carton và thùng carton các loại với thời hạn là 12 tháng. Ngày 31/03/2018, Công ty P gửi cho Công ty T văn bản xác nhận công nợ đối với hai hợp đồng nêu trên. Thể hiện trong thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2018 thì Công ty T đã đặt mua hàng với tổng số tiền là 99.202.631 đồng và đã thanh toán số tiền là 189.441.890 đồng. Như vậy, tính đến ngày 31/3/2018 thì Công ty T còn nợ số tiền gốc là 298.180.881 đồng.

Ngày 11/5/2018, ông Lương Hồ H là đại diện theo pháp luật của Công ty T gửi cho Công ty P bản cam kết với nội dung “*cam kết thanh toán công nợ cho Công ty P bắt đầu từ 15 đến 20/6/2018 mỗi tháng 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) cho đến khi thanh toán hết công nợ*”.

Tuy nhiên, kể từ thời điểm ngày 11/5/2018 phía Công ty T đã không thực hiện như cam kết. Công ty T đã vi phạm hợp đồng kinh tế đã ký kết giữa 02 bên, gây ảnh hưởng đến tình hình kinh tế của Công ty P. Nay Công ty P yêu cầu Công ty T thanh toán toàn bộ số công nợ còn lại là 298.180.881 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/6/2018 cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm.

Yêu cầu Công ty T trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đương sự tại trụ sở Công ty CP T cũng như tại nơi cư trú cuối cùng của người đại diện theo pháp luật để triệu tập bị đơn đến Tòa để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng Công ty CP T và người đại diện theo pháp luật không đến Tòa, không cung cấp chứng cứ và cũng không có văn bản ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công ty CP T và người đại diện theo pháp luật là ông Lương Hồ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng, thu thập chứng cứ; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền mua hàng còn nợ. Bị đơn có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1, Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là quan hệ về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về người tham gia tố tụng:

Công ty CP T và người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về yêu cầu bị đơn – Công ty T trả số tiền hàng còn nợ là 298.180.881 đồng:

Hội đồng xét xử nhận thấy, ngày 02/01/2016 giữa Công ty P và Công ty T có ký kết với nhau hợp đồng kinh tế số 02/TTP-ĐT/2016 để mua giấy tấm carton và thùng carton các loại với thời hạn 12 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã nhiều lần đối chiếu công nợ công nợ với nhau. Tính đến ngày 31/12/2017, theo biên bản xác nhận công nợ thì Công ty T còn nợ Công ty P số tiền là 388.421.140 đồng.

Ngày 02/01/2018, Công ty P và Công ty T tiếp tục ký kết với nhau hợp đồng kinh tế số 03/TTP-ĐT/2018 giấy tấm carton và thùng carton các loại với thời hạn 12 tháng. Ngày 31/3/2018, Công ty P có gửi biên bản xác nhận công nợ đối với hai hợp đồng nêu trên cho Công ty T, thể hiện Công ty T còn nợ Công ty P số tiền là 298.180.881 đồng. Ngày 11/5/2018, đại diện Công ty T là ông Lương Hồ H gửi văn bản cho Công ty P với nội dung “*cam kết thanh toán công nợ cho Công ty P bắt đầu từ 15 - 20/6/2018 mỗi tháng 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) cho đến khi thanh toán hết công nợ*”. Như vậy, phía Công ty T không có ý kiến phản bác đối với số công nợ mà Công ty P thông báo và cam kết thanh toán hết số công nợ trên. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở xác định Công ty T còn nợ Công ty P số tiền mua hàng là 298.180.881 đồng.

2.2. Về yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi do chậm thanh toán:

Căn cứ theo cam kết ngày 11/5/2018 của Công ty T do ông Lương Hồ H là người đại diện theo pháp luật xác nhận hứa thanh toán toàn bộ công nợ cho Công ty P. Tuy nhiên Công ty T không thực hiện theo đúng cam kết. Do đó, Công ty P yêu cầu Công ty T trả lãi phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 01/6/2018 theo quy định của pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại; căn cứ Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ vào các thông tin lãi suất mà Tòa án đã thu thập được tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Gia định; Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 9; Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Sơn Nhất thì mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 16.05%/năm. Công ty P yêu cầu tính lãi từ ngày 01/6/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là: $298.180.881 \text{ đồng} \times 16.05\%/\text{năm} \times 753 \text{ ngày} = 98.731.774 \text{ đồng}$.

Căn cứ Điều 208 Bộ luật dân sự 2015: “1. Nghĩa vụ trả tiền được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” và quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 1 Điều 55 Luật thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Công ty P buộc Công ty T trả số tiền nợ gốc và tiền lãi là 396.912.655 đồng.

2.3. Về thời hạn thanh toán:

Công ty P yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó nguyên đơn yêu cầu Công ty T phải thanh toán ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí là 19.845.632 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 280, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công Ty TNHH P.

Buộc Công ty CP T phải thanh toán cho Công Ty TNHH P số tiền nợ gốc 298.180.881đ (hai trăm chín mươi tám triệu một trăm tám mươi nghìn tám trăm tám mươi một đồng) và tiền lãi 98.731.774đ (chín mươi tám triệu bảy trăm ba mươi một nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng), tổng cộng 396.912.655đ (ba trăm chín mươi sáu triệu chín trăm mười hai nghìn sáu trăm năm mươi lăm đồng).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày 24/6/2020 cho đến khi thi hành án xong, Công ty CP T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty CP T phải chịu số tiền án phí là 19.845.632 đ (mười chín triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng)

Hoàn lại cho Công Ty TNHH P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.454.522đ (bảy triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn năm trăm hai mươi hai đồng).

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Công Ty TNHH P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Công ty CP T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kiều Oanh